|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  **TRƯỜNG SƯ PHẠM**  **KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ** |  |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**THỰC HÀNH DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

**Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Thi**

Chức danh, học hàm, học vị:GV, ThS

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0978.503.623 Email: [kimthi47@gmail.com](mailto:kimthi47@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính:Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp dạy học giáo dục chính trị

**Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Hoàng Thị Nga**

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983.067.973 Email: [hoangnga@vinhuni.edu.vn](mailto:hoangnga@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp dạy học giáo dục chính trị.

**Giảng viên 3:**

Họ và tên: **Bùi Thị Cần**

Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916.811.309 Email: [canbt@vinhuni.edu.vn](mailto:canbt@vinhuni.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, các chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học

**Giảng viên 4:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Chi**

Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0973.966.995 Email: [kimchi11192@gmail.com](mailto:kimchi11192@gmail.com)

Các hướng nghiên cứu chính: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp dạy học giáo dục chính trị.

***1.2. Thông tin về học phần:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): Thực hành dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật  (tiếng Anh): Practice teaching economic and legal education | | |
| - Mã số học phần: **POL30047** | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Giáo dục chính trị | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành    **Kiến thức ngành**  xx | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: **Bắt buộc** | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ: 4 | |  |
| + Số tiết lý thuyết: 0 | |  |
| + Số tiết thảo luận/bài tập: 0 | |  |
| + Số tiết thực hành: 60 | |  |
| + Số tiết tự học: 180 | |  |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: | |  |
| + Học phần học trước: | |  |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: trên 80% số buổi  + Sinh viên phải thực hành dạy học được các bài dạy theo đúng nhiệm vụ GV giao  + SV thiết kế được kế hoạch bài dạy cụ thể và nạp lên hệ thống LMS  + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ trong nhóm | | |
| - Khoa phụ trách học phần: Khoa Giáo dục chính trị  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Thực hành dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần này trang bị cho sinh viên những kĩ năng, phương pháp cơ bản nhằm thực hiện các hoạt động dạy học và giáo dục trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. Qua đó, sinh viên có đủ năng lực thực hiện các nội dung và yêu cầu khi tham gia giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở THPT.

**3. Mục tiêu học phần**

- Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về giáo dục kinh tế và pháp luật vào dạy học.

- Thể hiện được đạo đức và phong cách nhà giáo.

- Thực hiện được các kĩ năng: phân tích, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, quản lý nhóm, kĩ năng giao tiếp, kĩ năng tạo lập văn bản.

- Sử dụng được công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động thiết kế kế hoạch bài dạy và hoạt động giáo dục trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

- Triển khai, tổ chức được các hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra, đánh giá.

- Đề xuất được các biện pháp cải tiến hoạt động dạy học, giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

- Đề xuất các biện pháp cải tiến chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật ở THPT.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo** | | | | | |
| POL1.3 | POL2.1 | | POL3.1 | POL4.1 | POL4.2 |
| 1.3.2 | 2.1.2 | 2.1.4 | 3.1.2 | 4.1.2 | 4.2.1 |
| CLO1.1 | 0,4 |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 |  |  | 1,0 |  | 1,0 |  |
| CLO2.1 |  |  |  | 0,5 |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  | 0,5 |  |  |
| CLO2.3 |  |  |  |  |  |  |
| CLO3.1 | 0,6 |  |  |  |  | 0,4 |
| CLO4.1 |  |  |  |  |  | 0,3 |
| CLO4.2 |  |  |  |  |  | 0,3 |

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | S4 | Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về giáo dục kinh tế và pháp luật vào dạy học. | Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm | Tự luận |
| CLO1.2 | A4 | Thể hiện được đạo đức và phong cách nhà giáo. | Thảo luận, làm việc nhóm | Quan sát |
| CLO2.1 | S4 | Thực hiện được các kĩ năng: phân tích, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, quản lý nhóm. | Thảo luận, làm việc nhóm | Tự luận, quan sát |
| CLO2.2 | S4 | Thực hiện được kĩ năng giao tiếp, kĩ năng tạo lập văn bản. | Thảo luận, làm việc nhóm | Tự luận, quan sát |
| CLO2.3 | S4 | Sử dụng được công nghệ thông tin hiện đại vào các hoạt động thiết kế kế hoạch bài dạy và hoạt động giáo dục trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. | Làm việc nhóm | Tự luận, quan sát |
| CLO3.1 | C3 | Triển khai, tổ chức được các hoạt động dạy học, giáo dục, kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. | Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm | Tự luận, quan sát |
| CLO4.1 | C4 | Đề xuất được các biện pháp cải tiến hoạt động dạy học, giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. | Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm | Tự luận |
| CLO4.2 | C2 | Đề xuất các biện pháp cải tiến chương trình Giáo dục kinh tế và pháp luật. | Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm | Tự luận |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR học phần** | **Tỷ lệ**  **cho bài đánh giá** | **Tỷ lệ**  **cho học phần** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | | **50%** |
| A1.1 | Chuyên cần, thái độ | - Rubric đánh giá số 1 | CLO1.2  CLO2.1 | 10% | 10% |
| A1.2 | A1.2.1. Bài thực hành thiết kế kế hoạch bài dạy (bản word) | - Rubric đánh giá số 2 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 | 20% | 20% |
| A1.3 | Thi giữa kì  Xây dựng kế hoạch bài dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật  GV đánh giá và lưu hồ sơ  (Bản powerpoint) | - Rubric đánh giá số 3 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3 | 20% | 20% |
| **A2. Đánh giá cuối kì** | | | | | **50%** |
| A.2.1 | Đánh giá thực hành 1 tiết dạy (45 phút)  GV đánh giá và lưu hồ sơ | Rubric đánh giá số 4 | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | 50% | 50% |
| **Công thức tính điểm học phần: (A1.1\*1 + A1.2\*2 + A1.3\*2 + A2.1\*5)/10** | | | | | |

**5.2. *Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Rubric 1: Đánh giá bài A1.1 (Đánh giá chuyên cần, thái độ)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
| **A**  **(8,5 – 10 điểm)** | **B**  **(7-8,4 điểm)** | **C**  **(5,5-6,9 điểm)** | **D**  **(4.0-5.4 điểm)** | **F**  **(0-3.9 điểm)** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi thực hành.  Học đầy đủ scom trên ELN. | Tham gia trên 80 % các buổi thực hành.  Học đầy đủ scom trên ELN. | Tham gia 80% các buổi thực hành.  Học 80% scom trên ELN | Tham gia dưới 80% các buổi thực hành.  Học dưới 80% scom trên ELN. | Tham gia dưới 50% các buổi thực hành.  Học dưới 50% scom trên ELN |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, hoạt động nhóm.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, thảo luận.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học, hoạt động nhóm.  - Hoàn thành dưới 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động nhóm.  - Hoàn thành dưới 80% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động nhóm.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |  |

***5.2.2. Rubric 2: Đánh giá bài A1.2 (Thực hành xây dựng kế hoạch bài dạy bản word)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
| **A**  **(8,5 – 10 điểm)** | **B**  **(7-8,4 điểm)** | **C**  **(5,5-6,9 điểm)** | **D**  **(4.0-5.4 điểm)** | **F**  **(0-3.9 điểm)** |
| ***1. Hình thức***  ***(5 điểm)*** | - Trình bày rất khoa học, thẩm mỹ.  - Tuân thủ hoàn toàn quy định về khung KHBD.  - Ngôn ngữ chuẩn xác, mạch lạc, trôi chảy, không lỗi chính tả, ngữ pháp. | - Trình bày khoa học, rõ ràng, tuân thủ quy định về khung KHBD.  - Ngôn ngữ chuẩn xác, mạch lạc, ít lỗi chính tả, ngữ pháp. | - Trình bày rõ ràng nhưng chưa thật khoa học.  - Tuân thủ tương đối quy định khung KHBD.  - Ngôn ngữ khá chuẩn xác, còn một vài lỗi chính tả, ngữ pháp. | - Trình bày chưa rõ ràng, khó đọc.  - Tuân thủ kém quy định khung KHBD. - Ngôn ngữ nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp, khó hiểu. Sử dụng | - Trình bày lộn xộn, rất khó đọc.  - Không tuân thủ quy định khung KHBD. - Ngôn ngữ sai nhiều, không mạch lạc, rất nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. |
| ***2. Nội dung***  ***(5 điểm)*** | - Mục tiêu rất rõ ràng, cụ thể, phù hợp.  - Thiết kế các hoạt động dạy học (nội dung, PPDH, KTDH) rất sáng tạo, logic, hấp dẫn, tính khả thi cao, thể hiện rõ vai trò chủ động của HS.  - Kế hoạch đánh giá chi tiết, đa dạng, đo lường hiệu quả.  - Kế hoạch tổng thể rất logic, khả thi, sáng tạo, liên kết chặt chẽ các nội dung. | - Mục tiêu rõ ràng, cụ thể, phù hợp.  - Thiết kế các hoạt động dạy học (nội dung, PPDH, KTDH) hợp lý, phù hợp, có sự tham gia HS.  - Kế hoạch đánh giá đa dạng, liên kết mục tiêu.  - Kế hoạch tổng thể logic, khả thi, có yếu tố sáng tạo. | - Mục tiêu khá rõ, phù hợp.  - Thiết kế các hoạt động dạy học cơ bản hợp lý, chưa thật sáng tạo/đa dạng, có hoạt động cho HS.  - Có kế hoạch đánh giá cơ bản.  - Kế hoạch tổng thể khá logic, khả thi tương đối. | - Mục tiêu chung chung, chưa phù hợp.  - Thiết kế các hoạt động dạy học đơn giản, thiếu logic, ít hoạt động cho HS, PPDH/KTDH chưa rõ.  - Kế hoạch đánh giá sơ sài.  - Kế hoạch tổng thể còn thiếu logic, khả thi thấp. | - Mục tiêu không rõ, sai, thiếu.  - Thiết kế các hoạt động dạy học rời rạc, không hiệu quả, không có vai trò HS.  - Sử dụng PPDH, KTDH … không hiệu quả.  - Không có kế hoạch đánh giá.  - Kế hoạch tổng thể thiếu logic nghiêm trọng, không khả thi. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ……………………………………)** | | | | |  |

***5.2.3. Rubric 3: Đánh giá bài A1.3 (Thực hành xây dựng kế hoạch bài dạy bản powerpoint)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
| **A**  **(8,5 – 10 điểm)** | **B**  **(7-8,4 điểm)** | **C**  **(5,5-6,9 điểm)** | **D**  **(4.0-5.4 điểm)** | **F**  **(0-3.9 điểm)** |
| **1. Hình thức**  **(5 điểm)** | - Trình bày slide rất khoa học, nhất quán (font chữ, màu sắc, layout), dễ nhìn, dễ đọc.  - Sử dụng đồ họa, hình ảnh, biểu đồ, media rất hiệu quả, sáng tạo, hỗ trợ đắc lực nội dung.  - Sử dụng thành thạo các tính năng PowerPoint (hiệu ứng, liên kết, âm thanh, video...) một cách chuyên nghiệp, phục vụ mục đích sư phạm. | - Trình bày slide khoa học, rõ ràng, nhất quán.  - Sử dụng đồ họa, hình ảnh, media phù hợp, hỗ trợ nội dung. - Sử dụng tốt các tính năng cơ bản của PowerPoint, ít lỗi kỹ thuật. | - Trình bày slide rõ ràng, tương đối nhất quán.  - Sử dụng đồ họa, hình ảnh, media cơ bản phù hợp, nhưng có thể chưa thật hiệu quả.  - Sử dụng được các tính năng cơ bản của PowerPoint, có thể có lỗi kỹ thuật nhỏ. | - Trình bày slide chưa rõ ràng hoặc không nhất quán.  - Sử dụng đồ họa, hình ảnh, media còn lộn xộn hoặc không phù hợp, gây phân tán.  - Sử dụng PowerPoint còn lúng túng, có lỗi kỹ thuật ảnh hưởng đến bài giảng. | - Trình bày slide lộn xộn, rất khó đọc, không nhất quán.  - Sử dụng đồ họa, hình ảnh, media sai, gây cản trở nội dung.  - Sử dụng PowerPoint kém hiệu quả, có lỗi kỹ thuật lớn, không thể hiện bài giảng. |
| **2. Nội dung**  **(5 điểm)** | - Nội dung bài học trên slide cực kỳ chính xác, khoa học, được chọn lọc tinh gọn, phù hợp tuyệt đối với mục tiêu.  - Chuỗi slide được thiết kế logic, sáng tạo, thể hiện rõ các hoạt động học tập hiệu quả, thu hút HS, hỗ trợ tối ưu quá trình tiếp thu kiến thức.  - Vai trò của GV/HS trong từng slide rất rõ ràng. | - Nội dung bài học trên slide chính xác, khoa học, phù hợp mục tiêu.  - Chuỗi slide được thiết kế logic, thể hiện được các hoạt động dạy học hợp lý, hỗ trợ tốt việc dạy và học.  - Cơ bản thể hiện được vai trò GV/HS. | - Nội dung bài học trên slide chính xác cơ bản, khá phù hợp.  - Chuỗi slide thiết kế tương đối logic, có thể hiện hoạt động nhưng chưa thật sáng tạo/đa dạng.  - Vai trò GV/HS có thể chưa rõ ràng hoàn toàn. | - Nội dung trên slide có thể thiếu chính xác hoặc chưa phù hợp.  - Chuỗi slide đơn điệu, thiếu logic, ít thể hiện hoạt động hoặc không hỗ trợ nhiều cho việc dạy học.  - Vai trò GV/HS mờ nhạt. | - Nội dung trên slide sai lệch, không phù hợp hoặc thiếu nghiêm trọng.  - Chuỗi slide lộn xộn, không logic, không thể hiện hoạt động học tập hoặc gây cản trở.  - Không rõ vai trò GV/HS. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |  |

***5.2.4. Rubric 4: Đánh giá bài A2.1 (Đánh giá giờ thực hành dạy học)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm đánh giá)** | | | | |
| **A**  **(8,5 – 10 điểm)** | **B**  **(7-8,4 điểm)** | **C**  **(5,5-6,9 điểm)** | **D**  **(Dưới 5,5 điểm)** | **F**  **(0-3,9 điểm)** |
| **1. Kế hoạch bài dạy**  **(1 điểm)** | - Mục tiêu rõ ràng, cụ thể.  - Nội dung khoa học, chính xác, logic.  - Hoạt động học được thiết kế sáng tạo, linh hoạt.  - Dự kiến tốt các tình huống sư phạm và phương án xử lý. | - Mục tiêu rõ ràng.  - Nội dung khoa học, chính xác  - Hoạt động học được thiết kế hợp lý.  - Có dự kiến các tình huống cơ bản. | - Mục tiêu còn chung chung.  - Nội dung cơ bản chính xác nhưng thiếu sáng tạo.  - Hoạt động học còn đơn điệu, cứng nhắc.  - Ít hoặc không dự kiến tình huống. | - Một số mục tiêu còn chưa phù hợp.  - Một vài nội dung sai kiến thức hoặc sắp xếp thiếu logic.  - Hoạt động ít hiệu quả, HS thụ động.  - Không dự kiến hoặc xử lý kém tình huống. | - Mục tiêu không rõ ràng/ không phù hợp  - Nội dung sai kiến thức hoặc sắp xếp thiếu logic.  - Hoạt động học không hiệu quả, HS thụ động.  - Không dự kiến hoặc xử lý kém tình huống. |
| **2. Tổ chức hoạt động dạy học**  **(2 điểm)** | - Tổ chức lớp học khoa học, nhịp nhàng, thu hút sự chú ý của HS ngay từ đầu.  - Phân bổ thời gian cho từng hoạt động tối ưu, đảm bảo hoàn thành mục tiêu bài học. | - Tổ chức lớp học tốt, có trật tự.  - Phân bổ thời gian hợp lý, cơ bản hoàn thành bài học. | - Tổ chức lớp học còn lúng túng, mất thời gian.  - Phân bổ thời gian tương đối hợp lý, có thể bị cháy giáo án hoặc kết thúc sớm. | - Tổ chức lớp học còn lúng túng, mất thời gian.  - Phân bổ thời gian chưa chuẩn xác, có thể bị cháy giáo án hoặc kết thúc sớm. | - Tổ chức lớp học lộn xộn, mất kiểm soát.  - Quản lý thời gian rất kém, không hoàn thành được nội dung chính |
| **3. Phương pháp & kỹ thuật dạy học**  **(2 điểm)** | - Vận dụng đa dạng, hiệu quả, linh hoạt các phương pháp & kỹ thuật dạy học tích cực, phù hợp với mục tiêu, nội dung và đối tượng HS. | - Vận dụng các phương pháp & kỹ thuật dạy học phù hợp. | - Vận dụng ít phương pháp, kỹ thuật dạy học. | - Một vài phương pháp, kỹ thuật dạy học chưa phù hợp, hiệu quả thấp. | - Vận dụng phương pháp, kỹ thuật không phù hợp hoặc không hiệu quả. |
| **4. Sử dụng đồ dùng/Học liệu**  **(1 điểm)** | - Sử dụng đồ dùng/học liệu hiệu quả, sáng tạo, phù hợp, hỗ trợ đắc lực cho việc truyền đạt kiến thức và tổ chức hoạt động học. | - Sử dụng đồ dùng/học liệu phù hợp, hỗ trợ việc dạy và học. | - Có sử dụng đồ dùng/học liệu nhưng hiệu quả chưa cao. | - Có sử dụng đồ dùng/học liệu nhưng chưa hiệu quả, chưa phù hợp. | - Không sử dụng đồ dùng/học liệu |
| **5. Quản lý lớp học**  **(1 điểm)** | - Kiểm soát tốt mọi tình huống phát sinh một cách khéo léo, hiệu quả, không làm ảnh hưởng đến không khí lớp học. | - Kiểm soát được các tình huống cơ bản. | - Một vài tình huống xảy ra còn lúng túng khi xử lý | - Lớp học còn ồn ào, mất tập trung.  - Gặp khó khăn khi xử lý các tình huống phát sinh. | - Lớp học mất trật tự, GV không kiểm soát được.  - Xử lý tình huống nóng vội hoặc không hiệu quả. |
| **6. Sự tương tác của học sinh**  **(1 điểm)** | - Có sự tương tác đa chiều, tích cực, chủ động, hiệu quả, tạo không khí học tập sôi nổi. | - Có sự tương tác giữa GV và HS, có một số tương tác giữa HS với HS. | - Tương tác chủ yếu một chiều từ GV đến HS.  - Đa phần HS còn rụt rè, ít đặt câu hỏi hoặc bày tỏ ý kiến. | - Tương tác chủ yếu một chiều từ GV đến HS.  - Hầu hết HS còn rụt rè, ít đặt câu hỏi hoặc bày tỏ ý kiến. | - HS thụ động, không tham gia hoạt động.  - HS không trả lời câu hỏi hoặc trả lời sai/không đầy đủ do không hiểu bài/hoạt động. |
| **7. Đánh giá kết quả học tập**  **(1 điểm)** | - Thực hiện đánh giá thường xuyên, đa dạng hình thức (quan sát, vấn đáp, sản phẩm...), xuyên suốt quá trình dạy học.  - Kịp thời nhận biết mức độ hiểu bài của HS để điều chỉnh phương pháp dạy.  - Cung cấp phản hồi mang tính xây dựng cho HS. | - Có thực hiện đánh giá trong quá trình và cuối bài.  - Nhận biết được mức độ hiểu bài chung của lớp.  - Có nhận xét cơ bản về kết quả học tập của HS. | - Đánh giá còn hời hợt, chủ yếu cuối bài.  - Khó nhận biết chính xác mức độ hiểu bài của từng HS hoặc cả lớp.  - Nhận xét chung chung. | - Không đánh giá hoặc đánh giá rất qua loa.  - Không nắm bắt được mức độ hiểu bài của HS.  - Phản hồi chưa chính xác hoặc chưa hiệu quả. | - Không biết sử dụng các hình thức đánh giá.  - Không có phản hồi hoặc phản hồi sai. |
| **8. Tác phong nhà giáo**  **(1 điểm)** | - Tự tin, làm chủ giờ dạy.  - Tôn trọng HS, lắng nghe và thấu hiểu.  - Trang phục chỉnh tề, tác phong chuyên nghiệp. | - Khá tự tin  - Giao tiếp tốt với HS.  - Tôn trọng HS.  - Trang phục chỉnh tề, tác phong khá chuyên nghiệp. | - Còn rụt rè, căng thẳng.  - Giao tiếp chưa thật hiệu quả.  - Đôi khi chưa thật sự chú ý đến cảm xúc/ý kiến của HS.  - Trang phục, tác phong chưa gọn gàng. | - Thiếu tự tin, rụt rè hoặc thờ ơ.  - Giao tiếp kém, khó kết nối với HS.  - Trang phục, tác phong thiếu chuyên nghiệp. | - Nhút nhát, rụt rè.  - Giao tiếp kém, khó kết nối với HS.  - Thiếu tôn trọng HS.  - Trang phục, tác phong thiếu chuyên nghiệp/không phù hợp. |
| **Tổng điểm** |  |  |  |  |  |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Giáo trình:***

[1] Phạm Thị Bình, Hoàng Thị Nga, Chương trình và lí luận dạy học môn GDCD, NXB Đại học Vinh, 2020.

[2] Nguyễn Thị Kim Thi, Tập bài giảng môn Xây dựng kế hoạch dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, 2021.

[3] [www.hanhtrangso.nxbgd.vn](http://www.hanhtrangso.nxbgd.vn)

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

[4] Bernd Meier – Nguyễn văn Cường, *Lí luận dạy học hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm, 2014.

**7. Kế hoạch dạy học**

***Thực hành***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1 (4) | Chương 1: Thực hành dạy học môn GDCD – Phần lớp 10 | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 2 | Chương 1: Thực hành dạy học môn GDCD – Phần lớp 10 | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 3 | Chương 1: Thực hành dạy học môn GDCD – Phần lớp 11 | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 4 | Chương 1: Thực hành dạy học môn GDCD – Phần lớp 11 | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 5 | Chương 1: Thực hành dạy học môn GDCD – Phần lớp 12 | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 6 | Chương 1: Thực hành dạy học môn GDCD – Phần lớp 12 | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 7 | Chương 2: Thực hành dạy học phần giáo dục kinh tế | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 8 | Chương 2: Thực hành dạy học phần giáo dục kinh tế | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 9 | Chương 2: Thực hành dạy học phần giáo dục kinh tế | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 10 | Chương 2: Thực hành dạy học phần chuyên đề giáo dục kinh tế | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 11 | Chương 2: Thực hành dạy học phần chuyên đề giáo dục kinh tế | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 12 | Chương 3: Thực hành dạy học phần giáo dục pháp luật | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 13 | Chương 3: Thực hành dạy học phần giáo dục pháp luật | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 14 | Chương 3: Thực hành dạy học phần chuyên đề giáo dục pháp luật | - Hướng dẫn thực hành dạy học  - Hướng dẫn làm việc nhóm  - Hướng dẫn tự nhận xét và đánh giá | - Kế hoạch bài dạy  - Đồ dùng, thiết bị dạy học | CLO1.1  CLO1.2  CLO2.1  CLO2.2  CLO2.3  CLO3.1  CLO4.1  CLO4.2 | A1.1  A1.2  A1.3  A2.1 |
| 15 | Tổng kết thực hành dạy học |  |  |  |  |

**8. Ngày phê duyệt:**

**9. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng khoa** | **Giảng viên** |
|  |  | **Nguyễn Thị Kim Thi** |